

Số: 43/2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO CÁC QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT
THI HÀNH LUẬT ĐẤT ĐAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 112/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 677/SNNMT-TTr ngày 01/7/2025, các Văn bản: số 3436/SNNMT-QLĐĐ ngày 03/7/2025, số 3866/SNNMT-QLĐĐ ngày 18/7/2025; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1723/BC-STP ngày 29/6/2025; thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại Phiên họp UBND tỉnh ngày 19/07/2025 (Thông báo số 394/TB-UBND), kết luận của Đảng ủy UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 19/7/2025 (Thông báo số 78-TB/ĐU);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định ban hành kèm theo các Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 7 như sau:

“3. Trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất mà hộ gia đình, cá nhân tự thu xếp việc di dời chỗ ở mà không sử dụng quỹ đất do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bố trí thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền theo đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được hỗ trợ bằng tiền do tự thu xếp vị trí di dời chỗ ở mà cụ thể như sau:

a) Tại các phường: 7.500.000 đồng/m²;

b) Tại các xã: 6.500.000 đồng/m².”

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 9 như sau:

“b) Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ được xác định như sau:

$$P = \frac{P1 + P2 + P3 + P4}{T1} \times T2$$

Trong đó:

P: Chi phí đầu tư vào đất còn lại;

P1: Chi phí san lấp mặt bằng;

P2: Chi phí cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, thau chua rửa mặn, chống xói mòn, xâm thực đối với

đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp;

P3: Chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh;

P4: Chi phí khác có liên quan đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất;

Các khoản chi phí nêu trên do Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào định mức đơn giá, kiểm tra thực tế để xác định.

T1: Thời hạn sử dụng đất;

T2: Thời hạn sử dụng đất còn lại.

Đối với trường hợp thời điểm đầu tư vào đất sau thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì thời hạn sử dụng đất (T1) được tính từ thời điểm đầu tư vào đất.”

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Các trường hợp hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn khác không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và trường hợp hạn chế khả năng sử dụng đất khác do ảnh hưởng của công trình thì tùy mức độ, phạm vi ảnh hưởng của công trình, đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm tra từng trường hợp cụ thể, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định.”

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 14 như sau:

“1. Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất chăn nuôi tập trung, đất nông nghiệp khác:

- Các phường: Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập có mức hỗ trợ bằng 4,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.

- Xã Cẩm Bình có mức hỗ trợ bằng 3,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.

- Các xã: Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê có mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.

- Các phường: Sông Trí, Hải Ninh, Hoàn Sơn, Vũng Áng có mức hỗ trợ bằng 2,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.

- Các phường: Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh có mức hỗ trợ bằng 3,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.

- Các xã: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cẩm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Vũ Quang, Hương Khê, Kỳ Hoa có mức hỗ trợ bằng 2,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.

- Các xã còn lại có mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất của tỉnh.”

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng được bồi thường, hỗ trợ tái định cư bằng đất ở, nhà ở thì trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong khoảng thời gian từ khi bàn giao mặt bằng cho đến khi được bố trí tái định cư. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà ở cụ thể được quy định như sau:

a) Các phường: Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, Sông Trí, Hải Ninh, Hoàn Sơn, Vũng Áng; các xã: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cẩm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Vũ Quang, Hương Khê, Kỳ Hoa, Cẩm Bình: 5.000.000 đồng/hộ gia đình/tháng; 2.500.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập/tháng.

b) Các địa bàn khác: 3.000.000 đồng/hộ gia đình/tháng; 1.500.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập/tháng.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở như sau:

a) Các phường mức hỗ trợ: 150.000.000 đồng/hộ gia đình; 70.000.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập;

b) Các xã mức hỗ trợ: 120.000.000 đồng/hộ gia đình; 60.000.000 đồng/cá nhân là hộ độc lập;”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Quy định diện tích suất đất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai; Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ- CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Suất tái định cư bằng đất ở tối thiểu được quy định cụ thể như sau:

a) Tại các phường là 70m²;

b) Tại các xã là 150m²;

2. Suất nhà ở tái định cư tối thiểu: 40 m² đối với hộ gia đình; 30m² đối với cá nhân là hộ độc lập.

3. Suất tái định cư tối thiểu bằng tiền:

a) Tại các phường: Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng giá giao đất tại vị trí tái định cư nhân (x) với 70m²;

b) Tại các xã: Giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng giá giao đất tại vị trí tái định cư nhân (x) với 150 m²;

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh Quy định một số nội dung về xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau: “2. Đối tượng áp dụng:

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, thẩm định, quyết định bằng giá đất; cơ quan, người có thẩm quyền xác định, thẩm định, quyết định giá đất cụ thể.

2. Tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

2. Sửa đổi, bổ sung tiết a2 điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 như sau:

“a2) Thời gian bán hàng, thời điểm bắt đầu bán hàng, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được xác định căn cứ vào tiến độ đã được xác định trong các văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư để ước tính doanh thu phát triển của dự án.

Trường hợp trong các văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư chưa xác định cụ thể thời gian bán hàng, thời điểm bắt đầu bán hàng, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ thì tổ chức thực hiện định giá đất căn cứ theo các thông số tại Phụ lục kèm theo để xây dựng phương án giá đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với trường hợp dự án có tính đặc thù thì tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất cụ thể trong Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất để Hội đồng thẩm định giá đất xem xét, quyết định.

b) Tỷ lệ lấp đầy: Tính từ thời điểm dự án hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động theo quy định pháp luật.

b1) Đối với loại hình sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ (trừ các trường hợp quy định tại tiết b2 điểm này):

- Các phường: Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập, Sông Trí, Hải Ninh, Hoành Sơn, Vũng Áng, các xã: Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình: năm thứ nhất 50%; năm thứ hai 60%; năm thứ ba đến hết thời hạn hoạt động dự án 70%;

- Các phường: Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh, các xã: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Lộc Hà, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Vũ Quang, Hương Khê, Can Lộc: năm thứ nhất 40%; năm thứ hai 50%; năm thứ ba đến hết thời hạn hoạt động dự án 65%;

- Các xã còn lại: năm thứ nhất 40%; năm thứ hai 50%; năm thứ ba đến hết thời hạn hoạt động dự án 55%.

b2) Đối với loại hình kinh doanh khách sạn, biệt thự nghỉ dưỡng và cơ sở lưu trú du lịch khác:

- Đối với loại hình kinh doanh khách sạn:

+ Tại các phường: Thành Sen, Trần Phú, Hà Huy Tập, các xã: Thạch Lạc, Đồng Tiến, Thạch Khê, Cẩm Bình và các xã, phường ven biển: năm thứ nhất 30%; năm thứ hai 40%; năm thứ ba đến hết thời hạn hoạt động dự án 70%;

+ Tại các địa bàn còn lại: năm thứ nhất 30%; năm thứ hai 40%; năm thứ ba đến hết thời hạn hoạt động dự án 50%.

- Đối với loại hình biệt thự nghỉ dưỡng và cơ sở lưu trú du lịch khác: năm thứ nhất 30%; năm thứ hai 40%; năm thứ ba đến hết thời hạn hoạt động dự án 60%.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 như sau:

“c) Thời gian xây dựng, tiến độ xây dựng được xác định căn cứ vào tiến độ đã được xác định trong các văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư để ước tính chi phí phát

triển của dự án.

Trường hợp trong các văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư chưa xác định cụ thể thời gian xây dựng, tiến độ xây dựng thì tổ chức thực hiện định giá đất căn cứ theo các thông số tại Phụ lục kèm theo để xây dựng phương án giá đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với trường hợp dự án có tính đặc thù thì tổ chức thực hiện định giá đất đề xuất cụ thể trong Báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất để Hội đồng thẩm định giá đất xem xét, quyết định.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 195, khoản 2 Điều 196 Luật Đất đai được quy định như sau:

a) Đối với các phường là 300 m².

b) Đối với các xã:

- Vị trí bám trục đường quốc lộ, tỉnh lộ là 350 m².

- Các vị trí còn lại là 400 m².

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

Điều 9. Điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân

Điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Mục V Phần III Phụ lục I kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Điều kiện xác định cá nhân được giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai và thường trú hoặc công tác tại địa bàn xã.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân:

a) Hội đồng xét duyệt giao đất cấp xã xem xét từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật, tổng hợp danh sách các đối tượng có nhu cầu nộp đơn. Hội xét giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất đợt sau của Hội đồng xét duyệt giao đất cấp xã phải đưa vào xét các trường hợp có Đơn xin giao đất ở đủ điều kiện nhưng chưa được xét giao đất ở các lần họp xét trước đó.

b) Kết quả họp giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất của Hội đồng xét duyệt giao đất cấp xã phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hoá thôn, tổ dân phố nơi có đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất trong thời hạn 15 ngày và thông báo cho người có đơn xin giao đất ở; trường hợp họp chưa được xét đợt này phải thông báo cho người có đơn xin giao đất ở về lý do chưa được xét hoặc không đủ điều kiện được xét.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận và xử lý ý kiến phản hồi (nếu có) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn niêm yết công khai; Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã hoàn thiện hồ sơ cho các trường hợp đủ điều kiện.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cho các trường hợp đủ điều kiện giao đất ở không qua đấu giá thực hiện bốc thăm lô đất ở tại vùng quy hoạch để giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất. Sau khi có kết quả bốc thăm, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao đất cho từng đối tượng. Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã chuyển thông tin địa chính cho cơ quan thuế xác định nghĩa vụ tài chính đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định.

đ) Sau khi người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã phối hợp với đơn vị đo đạc bản giao đất ở tại thực địa cho người được giao đất; đồng thời chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 được quy định như sau:

a) Đối với các phường là 350 m²;

b) Đối với các xã:

- Vị trí bám trục đường quốc lộ, tỉnh lộ là 400 m²

- Các vị trí còn lại là 550 m².

c) Đối với các địa phương thay đổi cấp đơn vị hành chính từ xã chuyển thành phường sau thời điểm quy định này có hiệu lực thì áp dụng bằng hạn mức công nhận đất ở của cấp đơn vị hành chính sau thay đổi.”

4. Sửa đổi khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Việc tách thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng đất trong các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thực hiện theo các nguyên tắc, điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 220 Luật Đất đai và đảm bảo điều kiện tách thửa theo Quy định này. Trường hợp thửa đất thuộc các dự án đầu tư, các khu dân cư có quy hoạch chi tiết được duyệt hoặc bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận mà có quy chế quản lý thì việc tách thửa áp dụng theo quy chế quản lý; trường hợp không có quy chế quản lý thì việc tách thửa tại các phường thực hiện theo quy hoạch chi tiết, bản vẽ tổng mặt bằng đã được phê duyệt.”

5. Bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Thửa đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư khi tách thửa để chuyển mục đích sang đất ở có một phần diện tích nằm trong quy hoạch đất giao thông, hành lang bảo vệ công trình thì phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch đất giao thông, hành lang bảo vệ công trình khi tách ra cùng với thửa đất chuyển mục đích thì không áp dụng hạn mức tại điểm e khoản 2 Điều 13 Quy định này. Thửa đất sau khi tách để chuyển mục đích phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thể hiện nội dung phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong quy hoạch đất giao thông, hành lang bảo vệ công trình là đất có nguồn gốc không gắn liền với thửa đất ở.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

“a) Đối với thửa đất ở tại phường, các xã Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Vũ Quang, Hương Khê: diện tích tối thiểu bằng 50m², có kích thước cạnh tiếp giáp và chiều sâu thửa đất tính vuông góc với đường giao thông tối thiểu 4m; nếu hình thành lối đi mới và mương thoát nước thì tổng chiều rộng của lối đi và mương thoát nước tối thiểu 4,0 m.

b) Đối với thửa đất ở tại các xã còn lại: các vị trí bám đường giao thông Quốc lộ, Tỉnh lộ: diện tích tối thiểu bằng 60m²; các vị trí còn lại diện tích tối thiểu bằng 75m² và có kích thước cạnh tiếp giáp và chiều sâu thửa đất tính vuông góc với đường giao thông tối thiểu 5m; nếu hình thành lối đi mới và mương thoát nước thì tổng chiều rộng của lối đi và mương thoát nước tối thiểu 4,0m.”

7. Bổ sung điểm e vào khoản 2 Điều 13 như sau:

“e) Đối với thửa đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư thì diện tích tối thiểu sau khi tách thửa bằng 200m².”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã hoặc quy hoạch chung, quy hoạch phân khu của phường.”.

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 21 như sau: “2. Ủy ban nhân dân cấp xã Thực hiện trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai theo quy định của Luật Đất đai và các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện rà soát các đối tượng thuộc khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai và căn cứ quỹ đất của địa phương để lập phương án giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất đảm bảo diện tích đất không quá hạn mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy định này; quản lý theo thẩm quyền việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất của người dân tộc thiểu số đảm bảo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai.

b) Cung cấp Đơn đăng ký ruộng đất hoặc bản sao y sổ Đăng ký ruộng đất, xác nhận nguồn gốc giấy tờ tại Điều 10 Quy định này hiện đang được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Xác nhận, chịu trách nhiệm về nguồn gốc, thời điểm sử dụng cho các đối tượng thuộc khoản 2 Điều 10, Điều 11 Quy định này.

c) Đối với việc tách thửa, hợp thửa đất

- Quản lý theo thẩm quyền đối với phần diện tích đất sử dụng làm đường giao thông, mương thoát nước và đất sử dụng vào mục đích công cộng khác (nếu có).

- Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, xác nhận kết quả đo đạc, chỉnh lý thửa đất cho người sử dụng đất.

d) Thực hiện tổ chức rà soát, báo cáo kết quả rà soát các thửa đất nhỏ hẹp nằm xen kẹt do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; tổ chức công bố, công khai và lấy ý kiến các thành phần liên quan về danh mục các thửa đất nhỏ hẹp nằm xen kẹt. Hướng dẫn và xây dựng hồ sơ giao đất, cho thuê đất đối với

thửa đất nhỏ hẹp nằm xen kẹt, giao phòng chuyên môn thẩm định trước khi phê duyệt. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nguồn gốc, loại đất, chủ sử dụng đất đối với thửa đất nhỏ hẹp nằm xen kẹt; về diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

e) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến người sử dụng đất; tổ chức thực hiện trên địa bàn kịp thời, đúng quy định và chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định.”

10. Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 18 như sau:

“a) Cơ quan quản lý đất đai cấp xã tổng hợp kết quả công bố, công khai danh sách tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu xin giao đất, thuê đất kèm hồ sơ xin giao đất, thuê đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định. Sau khi được giao đất, cho thuê đất thì chủ sử dụng đất thực hiện hợp thửa đất với thửa đất liền kề; thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đăng ký biến động theo quy định của pháp luật.”

11. Bổ sung khoản 3a Điều 21 như sau:

“3a. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức kiểm tra, rà soát các điều kiện về cơ sở hạ tầng, hướng dẫn chủ sử dụng đất lập hồ sơ trả lại đất (nếu có), quyết định thu hồi đất khi người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất để làm đường giao thông, mương thoát nước, sử dụng vào mục đích công cộng khác hoặc cho phép người sử dụng đất dành một phần diện tích đất làm lối đi chung khi tách thửa, hợp thửa đất.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý tài chính cấp tỉnh, cấp xã.
2. Thuế tỉnh Hà Tĩnh, các Thuế cơ sở (gọi chung là cơ quan thuế).
3. Kho bạc Nhà nước khu vực XI, các phòng giao dịch trực thuộc (gọi chung là cơ quan thu ngân sách nhà nước).
4. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh, cấp xã.
5. Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (gọi chung là cơ quan đăng ký đất đai).
6. Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính).
7. Ủy ban nhân dân cấp xã.
8. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.
9. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 12 như sau:

“1. Trách nhiệm của cơ quan có chức năng quản lý đất đai tỉnh, cơ quan đăng ký đất đai: Hướng dẫn người sử dụng đất thuộc đối tượng được quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai năm 2024 và điểm d, e khoản 1 Điều 9 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ kê khai hồ sơ; tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ về thành phần hồ sơ, thống nhất thông tin của hồ sơ và luân chuyển hồ sơ nghĩa vụ tài chính về đất đai thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan thuế cho cơ quan thuế.

2. Trách nhiệm của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, cơ quan đăng ký đất đai (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai): Hướng dẫn người sử dụng đất thuộc đối tượng được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 123, điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ kê khai hồ sơ; tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ về thành phần hồ sơ, thống nhất thông tin của hồ sơ và luân chuyển hồ sơ nghĩa vụ tài chính về đất đai thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan thuế cho cơ quan thuế.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai như sau:

a) Thuế tỉnh Hà Tĩnh tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản phải nộp khác có liên quan đối với đối tượng được quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 123 Luật Đất đai, điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai.

b) Các cơ quan Thuế cơ sở: Tiếp nhận hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền

thuê đất và các khoản phải nộp khác có liên quan đối với đối tượng được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 123 Luật Đất đai, các điểm a và b khoản 1 và các điểm a và b khoản 2 Điều 136 Luật Đất đai, các điểm a, b, d, đ và g điểm khoản 3 Điều 10 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ kê khai hồ sơ; tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ về thành phần hồ sơ, thống nhất thông tin của hồ sơ và luân chuyển hồ sơ nghĩa vụ tài chính về đất đai thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan thuế cho cơ quan thuế.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau: “Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nông nghiệp và môi trường, tài chính, xây dựng, cơ quan thuế và các tổ chức có liên quan;

2. Ủy ban nhân dân cấp xã;

3. Tổ chức phát triển quỹ đất, Chi nhánh tổ chức phát triển quỹ đất (gọi chung là Tổ chức phát triển quỹ đất) được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý đất, tài sản gắn liền với đất.

4. Tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất (gọi chung là Người thuê đất).”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“Điều 7. Công bố công khai danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn

1. Căn cứ danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn đã phê duyệt, đơn giá khởi điểm cho thuê đất đã được phê duyệt, giá khởi điểm cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) đã được xác định, Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của mình, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày công bố để tiếp nhận đơn của các tổ chức, cá nhân đăng ký xin thuê đất.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“Điều 9. Nộp hồ sơ xin đăng ký thuê đất

4. Thời hạn nộp đơn đăng ký xin thuê đất: 15 ngày kể từ ngày công bố công khai.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6, khoản 7 Điều 10 như sau:

“6. Trường hợp hết thời hạn 15 (mười lăm) ngày mà không có tổ chức, cá nhân đăng ký thuê đất thì thực hiện lại việc công bố công khai lần 2, sau lần 2 nếu không có tổ chức, cá nhân nào đăng ký thuê đất thì Tổ chức phát triển quỹ đất điều chỉnh giảm đơn giá khởi điểm cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) với mức giảm 20% để tiếp tục thực hiện công khai cho thuê đất. Việc giảm đơn giá khởi điểm cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tiếp theo, được thực hiện nhiều lần sau mỗi lần công khai cho đến khi lựa chọn được người thuê đất, mức giảm mỗi lần bằng 20% của đơn giá đã công khai trước đó nhưng đảm bảo đơn giá khởi điểm sau khi giảm không thấp hơn 20% nhân (x) đơn giá khởi điểm đã phê duyệt ban đầu.

7. Trường hợp đã giảm giá khởi điểm cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) mà vẫn không có người xin thuê đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất theo mục đích, diện tích đã đăng tải công khai trên phương tiện thông tin mà chỉ xin thuê một phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất theo mục đích sử dụng đất đã đăng tải công khai và đảm bảo đơn giá thuê đất không thấp hơn đơn giá khởi điểm cho thuê đất và đơn giá khởi điểm cho thuê tài sản gắn liền với đất (nếu có) không thấp hơn đơn giá khởi điểm cho thuê tài sản đã thông báo thì Tổ chức phát triển quỹ đất lựa chọn tổ chức, cá nhân đề xuất giá thuê đất và tài sản gắn liền với đất cao nhất để cho thuê 1 phần diện tích đất và phần tài sản gắn liền với đất. Nếu có từ hai trường hợp đề xuất giá thuê đất và tài sản gắn liền với đất cao nhất và bằng nhau thì Tổ chức phát triển quỹ đất chủ trì, mời đại diện cơ quan Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, UBND cấp xã nơi có đất và tài sản gắn liền với đất cho thuê ngắn hạn tổ chức bốc thăm để chọn người được thuê đất.

Trường hợp chỉ có tổ chức, cá nhân đề xuất xin thuê với mục đích sử dụng khác với mục đích sử dụng đất đã đăng công khai mời thuê đất trên phương tiện thông tin thì Tổ chức phát triển quỹ đất xem xét phê duyệt điều chỉnh danh mục khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn (có thể chia khu đất thành nhiều khu vực cho thuê) nhưng đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất theo quy hoạch đã được duyệt; theo đó, xác định đơn giá khởi điểm cho thuê tài sản gắn liền với đất (nếu có), xác định và trình Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê đất để thực hiện lựa chọn người thuê theo quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10 Quy định này.”

Điều 6. Thay thế, bãi bỏ, bổ sung một số cụm từ tại các điều, khoản của các Quyết định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành

1. Bãi bỏ Điều 18, khoản 2 Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND; khoản 2 Điều 8, Điều 16, khoản 3 Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số

26/2024/QĐ-UBND; khoản 4, điểm b khoản 6 Điều 18 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2025/QĐ- UBND.

2. Bỏ cụm từ “trong địa bàn cấp huyện” tại khoản 2, 3 Điều 16; bỏ các cụm từ “huyện/ thành phố/thị xã”, “huyện”, “Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc của Phòng Tài nguyên và Môi trường) tại Tờ trình số ngàythángnăm.....” tại Phụ lục 1, 2, 3, 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND. Bỏ cụm từ “UBND cấp huyện” tại khoản 2, khoản 7 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 1 Điều 18; bỏ cụm từ “Tổ chức phát triển quỹ đất cấp huyện” tại điểm b khoản 5 Điều 18 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2025/QĐ- UBND.

3. Bỏ cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư”, “thị trấn”, “Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã” tại các Quyết định.

4. Thay các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1, khoản 2 Điều 7, khoản 2, khoản 3 Điều 16 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND.

5. Thay cụm từ “đơn vị hành chính cấp huyện” thành “đơn vị hành chính cấp xã” tại điểm a khoản 2 Điều 3; thay cụm từ “Cục Thống kê tỉnh” bằng cụm từ “Thống kê Hà Tĩnh” tại khoản 3 Điều 4; thay cụm từ “Dự án” bằng cụm từ “Khu đất, thửa đất” tại mục A, mục B, mục C Phụ lục kèm theo Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 Quy định một số nội dung về xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

6. Thay các cụm từ “UBND cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch UBND cấp xã” tại khoản 5 Điều 11, khoản 2 Điều 12; thay cụm từ “kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện” bằng cụm từ “kế hoạch sử dụng đất cấp xã” tại điểm đ khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 18; thay cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 18, điểm b khoản 4 Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND.

7. Thay các cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 9; thay tên Điều 13 “Trách nhiệm UBND cấp huyện” thành “Trách nhiệm UBND cấp xã”; thay cụm từ “Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của cấp xã” tại Điều 15; thay cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 20 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND.

8. Thay các cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND.

9. Thay cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; thay cụm từ “Cục Thuế tỉnh” và “Cơ quan thuế tỉnh” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực XI”; thay cụm từ “Cơ quan thuế khu vực, huyện” bằng cụm từ “Đội thuế liên xã, phường”; thay cụm từ “Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã” bằng cụm từ “Kho bạc nhà nước khu vực XI, các phòng giao dịch trực thuộc” tại các Quyết định.

Điều 7. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp dự án có một phần diện tích đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai nhưng đến trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành còn diện tích chưa phê duyệt phương án thì đơn vị, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư áp dụng các chính sách tại Quyết định này để xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần diện tích chưa phê duyệt phương án; trường hợp chính sách tại Quyết định này thấp hơn thì được áp dụng theo chính sách quy định tại Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với trường hợp đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho phép chuyển hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định mà có phương án giá đất đã trình Hội đồng thẩm định giá đất thẩm định trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã trình mà không áp dụng theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, người sử dụng đất tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và Luật Đất đai năm 2024 nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã chi trả gửi cho cơ quan thuế để làm cơ sở thực hiện khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp khi có phát sinh yêu cầu của người sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ bồi thường, giải phóng mặt bằng được bàn giao thực hiện việc xác nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã chi trả gửi cơ quan thuế để làm cơ sở thực hiện việc khấu trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

4. Đối với các hồ sơ đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn tiến độ sử dụng đất, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có phát sinh thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất do cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã tiếp nhận mà đến trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính thì tiếp tục thực hiện quy trình luân chuyển hồ sơ nghĩa vụ tài chính quy định tại Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối với các hồ sơ đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do cơ quan tiếp nhận hồ sơ đã tiếp nhận trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Đối với các hồ sơ đang thực hiện thủ tục để công nhận, công nhận lại diện tích đất ở, đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà người sử dụng đất chưa được công nhận, công nhận lại diện tích đất ở thì người sử dụng đất được lựa chọn tiếp tục thực hiện thủ tục để được công nhận, công nhận lại diện tích đất ở theo hạn mức quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thực hiện thủ tục để được công nhận, công nhận lại diện tích đất ở theo hạn mức tại Quyết định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN và MT;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh